

## KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Tài liệu tập huấn hỗ trợ và hướng dẫn giáo viên tiểu học cách thức thiết kế đề kiểm tra định kì môn Lịch sử và Địa lí Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT. Sau khi tập huấn mỗi giáo viên đều hiểu biết rõ ràng, đầy đủ và thực hành biên soạn được các câu hỏi 4 mức độ và đề kiểm tra định kì dựa trên Chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Lịch sử và Địa lí, từng bước định hướng phát triển năng lực và phù hợp đối tượng học sinh.

### I. Hướng dẫn xây dựng câu hỏi môn Lịch sử và Địa lí theo 4 mức độ

Đề bài kiểm tra định kì phù hợp chuẩn kiến thức, kỹ năng, từng bước định hướng phát triển năng lực và đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, vùng miền, gồm các câu hỏi được thiết kế theo các mức:

**- Mức 1: nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kỹ năng đã học.**

#### a) Cụm từ để hỏi

Khi xây dựng câu hỏi GV có thể sử dụng các từ/ cụm từ / động từ: ai, cái gì, ở đâu, khi nào, thế nào, nêu, mô tả, kể tên, liệt kê,.....

#### b) Ví dụ

##### *Ví dụ Lịch sử:*

Hãy nối tên nước ở cột A với tên nhân vật lịch sử ở cột B sao cho đúng

a) Văn Lang
b) Âu Lạc
c) Đại Cồ Việt
d) Đại Việt
e) Đại Ngu

1. Đinh Bộ Lĩnh
2. Vua Hùng
3. An Dương Vương
4. Hồ Quý Ly
5. Lý Thánh Tông

##### *Ví dụ Địa lí:*

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý đúng

Một số dân tộc sống lâu đời ở Tây Nguyên là:

- A. Dân tộc Thái, Dao, Mông      B. Dân tộc Ba-na, Ê-đê, Gia-rai  
C. Dân tộc Kinh, Xơ-Đăng, Cơ-ho      D. Dân tộc Mông, Tày, Nùng

**- Mức 2: hiểu biết kiến thức, kỹ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân.**

#### a) Cụm từ để hỏi

Khi xây dựng câu hỏi GV có thể sử dụng các cụm từ / động từ: trình bày, giải thích, so sánh, phân biệt, vì sao nói, vì sao, khái quát,.....

**b) Ví dụ**

***Ví dụ Lịch sử:***

Theo em, vì sao nhà Trần được gọi là "triều đại đắp đê" ?

.....  
.....  
.....

***Ví dụ Địa lí:***

So sánh một số đặc điểm tự nhiên của Tây Nguyên và dãy Hoàng Liên Sơn theo bảng sau:

	Địa hình	Khí hậu
Dãy Hoàng Liên Sơn	..... ..... .....	..... ..... .....
Tây Nguyên	..... ..... .....	..... ..... .....

***- Mức 3: biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống.***

**a) Cụm từ để hỏi**

Khi xây dựng câu hỏi GV có thể sử dụng các cụm từ / động từ: dự đoán, suy luận, thiết lập liên hệ, vẽ sơ đồ, lập niên biểu,.....

**b) Ví dụ**

***Ví dụ Lịch sử:***

Trong các nhân vật lịch sử thời Trần, em yêu thích nhất nhân vật nào ? Vì sao ?

***Ví dụ Địa lí:***

Chọn mỗi ý ở cột A với một ý ở cột B và đánh mũi tên thể hiện mối liên hệ giữa tự nhiên và hoạt động sản xuất ở Tây Nguyên.

A

B

Đồng cỏ xanh tốt

Bơm hút nước ngầm để tưới cây

Sông nhiều thác ghềnh

Khai thác rừng

Nhiều đất ba dan

Trồng cây công nghiệp lâu năm

Rừng có nhiều lâm sản quý

Làm thủy điện

Nắng nóng kéo dài vào mùa khô

Nuôi gia súc lớn

**- Mức 4: vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lí trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt.**

#### **a) Cụm từ để hỏi**

Khi xây dựng câu hỏi, GV có thể sử dụng các cụm từ / động từ: bình luận, đánh giá, rút ra bài học, liên hệ với thực tiễn,.....

#### **b) Ví dụ**

##### ***Ví dụ Lịch sử:***

Em có suy nghĩ gì về hành động bóp nát quả cam của Trần Quốc Toản?

##### ***Ví dụ Địa lí:***

Ở địa phương em không có những hoạt động sản xuất nào mà ở Tây Nguyên có? Hãy giải thích tại sao ở địa phương em lại không có những hoạt động sản xuất đó.

## **II. Cách biên soạn đề kiểm tra định kỳ môn Lịch sử và Địa lí với các câu hỏi theo 4 mức**

### **1. Xây dựng đề kiểm tra**

#### **1.1. Quy trình xây dựng đề**

Quy trình ở đây được hiểu là các bước cụ thể (có tính ước lệ và chỉ là **gợi ý tham khảo**) để thiết kế một đề kiểm tra môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học:

Bước 1: Xác định mục đích đánh giá (đánh giá kết quả học tập, năng lực, phẩm chất nào của học sinh? Vào thời điểm nào? Đối tượng học sinh nào?...)

Bước 2: Xây dựng nội dung đánh giá (dựa vào mục đích đánh giá, Chuẩn kiến thức, kỹ năng, nội dung trọng tâm cốt lõi... để xác định các chủ đề nội dung cần đánh giá)

Bước 3: Xây dựng các câu hỏi/bài tập (số lượng các câu hỏi, dạng câu hỏi, mức độ dựa trên các **chủ đề nội dung cụ thể** của bước 2)

Bước 4: Dự kiến các phương án đáp án các câu hỏi/bài tập ở bước 3 và thời gian làm bài.

Bước 5: Dự kiến điểm số cho các câu hỏi/bài tập (căn cứ vào số lượng câu hỏi/bài tập, các mức và mục đích đánh giá, đồng thời phải dự kiến hình dung được các tình huống học sinh sẽ gặp phải trong khi làm bài kiểm tra để ước tính điểm số)

Bước 6: Điều chỉnh và hoàn thiện đề kiểm tra (Rà soát lại các câu hỏi/bài tập, mức độ, điểm số, dựa vào các yêu cầu ở bước 1, bước 2. Nếu có điều kiện – đã xây dựng được ngân hàng câu hỏi/bài tập hoặc xác định được các mục đích đánh giá định kì ngay từ đầu năm học thì có thể thử nghiệm kiểm tra các câu hỏi/bài tập tương tự trong suốt quá trình dạy học).

### 1.2. Cách xác định nội dung kiểm tra

Dựa vào quy trình ở mục a, dưới đây chúng tôi trình bày một số nội dung chính:

- Nội dung kiểm tra được xác định rõ ràng theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Lịch sử và Địa lí đến trong học kì I hoặc cả năm học. Trong đó, cần xác định kiến thức, kỹ năng trọng tâm, tối thiểu cần kiểm tra.

- Các câu hỏi/bài tập trong đề kiểm tra là câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận. Cần tăng cường loại câu hỏi mở, câu hỏi phát huy năng lực của học sinh như năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề của học sinh,....

### 1.3. Ví dụ gợi ý cách phân phối tỉ lệ số câu, số điểm và các mức:

Có thể nói số câu hỏi; mức độ của các câu hỏi và số điểm phân bố cho các câu hỏi trong một đề kiểm tra phụ thuộc vào nhiều yếu tố không có một công thức hoặc nguyên tắc chung nào quy định về những điều trên trong một đề kiểm tra. Chính vì vậy, những ví dụ gợi ý sau đây **hoàn toàn không bắt buộc** chỉ là tham khảo:

- Nội dung môn Lịch sử và Địa lí được kiểm tra cân đối theo các mạch kiến thức sau:

+ Lịch sử: khoảng 50 %

+ Địa lí: khoảng 50 %

- Đối với các mức: Tỷ lệ % số câu và số điểm cho mỗi mức độ (1, 2, 3,4) dựa vào các căn cứ chính sau:

+ Mức độ quan trọng của chuẩn kiến thức, kỹ năng cần đánh giá trong chương trình môn Lịch sử và Địa lí;

+ Quy định đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

+ Tùy theo từng trường có thể đưa ra tỷ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương, **chẳng hạn**:

Mức 1: Khoảng 40%; Mức 2: Khoảng 30%; Mức 3: khoảng 20%; Mức 4: Khoảng 10%.

+ Tỷ lệ số câu, số điểm theo các mức và hình thức câu hỏi trong đề kiểm tra cần *đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng, phù hợp với đối tượng học sinh*. Chẳng hạn: số câu hỏi trắc nghiệm khách quan: khoảng 60%; số câu hỏi tự luận: khoảng 40%.

- Thời lượng làm bài kiểm tra khoảng 35 – 40 phút (theo thời gian của 1 tiết học theo từng lớp).

#### 1.4. Ma trận

Để thuận tiện trong việc xác định các nội dung, đặc biệt là các nội dung trọng tâm, cũng như số lượng các câu hỏi/bài tập, các mức người ta có thể dùng một công cụ quen gọi là ma trận đề kiểm tra (bao gồm ma trận nội dung, ma trận câu hỏi/bài tập). Ma trận đề kiểm tra có thể coi là một kỹ thuật để xây dựng các đề kiểm tra có tính mô hình hóa. Tuy nhiên, đây không phải là một **kỹ thuật bắt buộc** phải sử dụng khi xây dựng đề kiểm tra.

- *Khung ma trận*, mỗi ô trong khung nêu: Nội dung kiến thức, kỹ năng và cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi.

- *Khung ma trận câu hỏi*, mỗi ô trong khung nêu: Hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi.

Lập một bảng có hai chiều, một chiều là nội dung hay mạch kiến thức chính cần đánh giá, một chiều là các mức: Mức 1, Mức 2, Mức 3, Mức 4

Trong mỗi ô là chuẩn kiến thức kỹ năng chương trình cần đánh giá, tỷ lệ % số điểm, số lượng câu hỏi và tổng số điểm (TSD) của các câu hỏi.

Số lượng câu hỏi của từng ô phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi chuẩn cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và trọng số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng cấp độ nhận thức.

### **III. Ví dụ minh họa:**

#### **1. Ma trận đề kiểm tra cuối học kì I, lớp 4**

##### **1.1. Nội dung**

Cân đối giữa các mạch kiến thức của 2 phần Lịch sử và Địa lí (50/50) và các mạch cụ thể của từng phần.

- Phần Lịch sử (khoảng 50 % nội dung):

- + Buổi đầu dựng nước và giữ nước
- + Hơn một nghìn năm đấu tranh giành lại độc lập
- + Buổi đầu độc lập
- + Nước Đại Việt thời Lý
- + Nước Đại Việt thời Trần

- Phần Địa Lí (khoảng 50 % nội dung):

+ Thiên nhiên và hoạt động sản xuất của con người ở miền núi và trung du.

+ Thiên nhiên và hoạt động sản xuất của con người ở miền đồng bằng (Đồng bằng Bắc Bộ).

##### **1.2. Mức độ**

- Mức 1 (khoảng 40 %);
- Mức 2 (khoảng 30 %);
- Mức 3 (khoảng 20 %);
- Mức 4 (khoảng 10 %);

Cấu trúc một đề kiểm tra môn Lịch sử và Địa lí học kì I có khoảng 10 câu, trong đó số câu tự luận khoảng 40% và số câu trắc nghiệm khách quan (điền khuyết, đối chiếu cặp đôi, đúng – sai, nhiều lựa chọn ...) khoảng 60%.

- Cấu trúc một đề kiểm tra định kì cuối học kì I nên có 10 câu (nên sắp xếp 50 % nội dung Lịch sử và 50 % nội dung Địa lí); Ở mức 4 chỉ nên sử dụng 1 câu - hoặc nội dung Lịch sử hoặc nội dung Địa lí hoặc kết hợp cả nội dung Lịch sử và Địa lí.

- Các câu hỏi có nội dung bao quát những vấn đề cơ bản, trọng tâm của nội dung chương trình, đảm bảo các yêu cầu về các mức theo quy định của Thông tư 22.

Mạch nội dung	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
		KQ	TL	KQ	TL	KQ	TL	KQ	TL	KQ	TL
1. Buổi đầu dựng nước và giữ nước (khoảng từ năm 700 TCN đến năm 179 TCN)	Số câu	1								1	
	Số điểm	1,0								1,0	
2. Hơn 1000 năm đấu tranh giành độc lập (từ năm 179 TCN đến năm 938)	Số câu			1						1	
	Số điểm			1,0						1,0	
3. Buổi đầu độc lập (từ năm 938 đến năm 1009)	Số câu	1								1	
	Số điểm	1,0								1,0	
4. Nước Đại Việt thời Lý (từ năm 1009 đến năm 1226)	Số câu				1						1
	Số điểm				1,0						1,0
5. Nước Đại Việt thời Trần (từ năm 1226 đến năm 1400)	Số câu						1				1
	Số điểm						1,0				1,0
6. Dãy Hoàng Liên Sơn	Số câu					1				1	
	Số điểm					1,0				1,0	
7. Trung du Bắc Bộ	Số câu	1								1	
	Số điểm	1,0								1,0	
8. Tây Nguyên	Số câu	1							1	1	1
	Số điểm	1,0							1,0	1,0	1,0
9. Đồng bằng Bắc Bộ	Số câu				1						1
	Số điểm				1,0						1,0
Tổng	Số câu	4	0	1	2	1	1		1	6	4
	Số điểm	4,0	0	1,0	2,0	1,0	1,0		1,0	6,0	4,0





**Câu 2.** Em hãy nối nội dung ở cột A với cột B cho phù hợp

**A**

**B**

1. Các phong tục truyền thống được giữ gìn

2. Các nghề mới tiếp thu

a) Ăn trà, nhuộm răng đen

b) Làm giấy

c) Làm đồ thủy tinh

d) Đua thuyền, đánh vật, hát dân ca

e) Làm đồ trang sức bằng vàng, bạc

**Câu 3.** Tại sao Lý Thái Tổ lại quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long ?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 4.** Đánh dấu X vào  trước ý đúng

Những việc Đinh Bộ Lĩnh đã làm được là:

Dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất lại đất nước (năm 968)

Chấm dứt thời kì đô hộ phong kiến phương Bắc, mở đầu cho thời kì độc lập dân tộc lâu dài của đất nước ta.

Đánh tan quân xâm lược Nam Hán

Đặt tên nước là Đại Việt

**Câu 5.** Trong các nhân vật lịch sử thời Trần, em yêu thích nhất nhân vật nào ? Vì sao ?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
**Câu 6.** Đánh dấu X vào  trước ý đúng

*Trung du Bắc Bộ là một vùng :*

- núi với các đỉnh nhọn, sườn thoải.
- núi với các đỉnh tròn, sườn thoải.
- đồi với các đỉnh tròn, sườn thoải.
- đồi với các đỉnh nhọn, sườn thoải.

**Câu 7.** Chọn mỗi ý ở cột A với một ý ở cột B và đánh mũi tên thể hiện mối liên hệ giữa tự nhiên và hoạt động sản xuất ở Tây Nguyên

**A**

1. Khí hậu lạnh quanh năm
2. Đất dốc
3. Có nhiều khoáng sản

**B**

a. Khai thác khoáng sản
b. Làm ruộng bậc thang
c. Trồng rau, quả xứ lạnh

**Câu 8.** Quan sát Bảng số liệu về độ cao của các cao nguyên sau:

Cao nguyên	Độ cao trung bình
Kon Tum	500 m
Đắk Lắk	400 m
Lâm Viên	1500 m
Di Linh	1000 m

Hãy xếp các cao nguyên theo thứ tự từ thấp đến cao:

.....  
.....

**Câu 9.** Hãy cho biết vì sao lúa gạo được trồng nhiều ở đồng bằng Bắc Bộ ?

.....  
.....  
.....

.....  
.....  
**Câu 10.** Ở địa phương em không có những hoạt động sản xuất nào mà ở Tây Nguyên có? Hãy giải thích tại sao ở địa phương em lại không có những hoạt động sản xuất đó.

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**a) Hướng dẫn chấm điểm**

Mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm; tổng số điểm của đề là 10.

**Câu 1.** Mốc thời gian ra đời của nước Văn Lang: năm 700 trước Công nguyên (TCN).

**Câu 2.**

Nối 1 với a, d

Nooia 2 với b,c, e

**Câu 3:** Lý Thái Tổ lại quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long vì:  
- Hoa Lư là vùng rừng núi hiểm trở, chật hẹp, không phải là trung tâm đất nước.

- Thăng Long là vùng đất rộng, bằng phẳng, màu mỡ , không bị ngập lụt và là trung tâm của đất nước.

**Câu 4.** Đánh dấu X vào ý Đẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất lại đất nước (năm 968).

**Câu 5.** Đây là một dạng câu hỏi mở, học sinh lựa chọn một trong số nhân vật lịch sử thời Trần mà học sinh yêu thích nhất (có thể là Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Toản...). Học sinh nêu được tên của nhân vật và lí giải vì sao học sinh lựa chọn nhân vật này.

**Câu 6.** Đánh dấu X vào  trước ý: đối với các đỉnh tròn, sườn thoải.

**Câu 7.** Nối mỗi ý ở cột A với một ý ở cột B cho thích hợp.

1 → c ; 2 → b ; 3 → a

**Câu 8.** Thứ tự là : Đắc Lắc, Kon Tum, Di Linh, Lâm Viên

**Câu 9.** Lúa gạo được trồng nhiều ở đồng bằng Bắc Bộ vì:

- Có đất phù sa màu mỡ
- Nguồn nước dồi dào
- Người dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất

**Câu 10.** Ở địa phương em không có những hoạt động sản xuất nào mà ở Tây Nguyên có – đây là câu mở trên cơ sở khai thác hiểu biết của HS về hoạt động sản xuất của địa phương. Và HS phải biết dựa vào sự khác biệt về đặc điểm tự nhiên của địa phương so với Tây Nguyên để lí giải được tại sao ở địa phương mình không có hoạt động sản xuất đó.